

UNIT 4. LEARNING WORLD

Vocabulary and Listening: Studying a language – Unit 4 – Tiếng Anh 6 – Friends Plus

THINK! Do you like learning languages? Look at the things in the box. What things do you like and dislike?

(Nghĩ xem! Em có thích học ngôn ngữ không? Nhìn các từ trong khung. Cái nào em thích và không thích?)

Phương pháp:

- vocabulary: từ vựng
- grammar: ngữ pháp
- pronunciation: phát âm
- reading: đọc
- listening: nghe
- speaking: nói
- writing: viết

Hướng dẫn giải:

Yes, I like learning languages. I like learning vocabulary, pronunciation, speaking and listening. I dislike grammar because it has a lot of difficult rules.

(Có, tôi thích học ngôn ngữ. Tôi thích học từ vựng, phát âm, kỹ năng nói và nghe. Tôi không thích ngữ pháp vì nó có nhiều quy tắc khó.)

1. Look at the quiz. Check meanings of the verbs in blue. Match questions 1-10 to pictures a-j. Then listen and check.

(Nhìn câu đố. Kiểm tra nghĩa của các từ màu xanh. Nối các từ 1-10 với các tranh 1-j. Sau đó nghe và kiểm tra.)

Are you a SUPER language student?

Answer the questions. Score 1 point for every YES answer. Then look at the key.

1. Do you ever **listen to** English when you're out of school?
2. Do you **know** the alphabet? Can you **spell** your name in English?
3. Do you **check** words in a dictionary or a wordlist?
4. Do you **repeat** a new word if you want to **learn** it?
5. Do you ever **practise** your pronunciation?
6. Do you **revise** before an exam?
7. Do you **ask questions** when you don't **understand**?

8. Do you usually **concentrate** when you do your homework?
9. Do you **make notes** about grammar or **write** new vocabulary in your notebook?
10. Do you ever **read** books, articles or comics in English?



Hướng dẫn giải:

- listen to: nghe
- know: biết
- spell: đánh vần
- check: kiểm tra
- repeat: lặp lại
- learn: học
- practise: thực hành
- revise: ôn tập
- ask questions: đặt câu hỏi
- understand: hiểu
- concentrate: tập trung
- make notes: ghi chú
- write: viết
- read: đọc

1 - e	2 - h	3 - d	4 - c	5 - a
6 - i	7 - j	8 - b	9 - f	10 - g

Tạm dịch:

Bạn có phải là học sinh SIÊU ngôn ngữ?

Trả lời các câu hỏi. Ghi 1 điểm cho mỗi câu trả lời CÓ. Sau đó nhìn vào đáp án.

1. Bạn có bao giờ nghe tiếng Anh khi bạn không ở trường?

2. Bạn có biết bảng chữ cái? Bạn có thể đánh vần tên của bạn bằng tiếng Anh không?
3. Bạn có kiểm tra các từ trong từ điển hoặc danh sách từ không?
4. Bạn có lặp lại một từ mới nếu bạn muốn học nó không?
5. Bạn có bao giờ luyện phát âm không?
6. Bạn có ôn tập trước khi thi không?
7. Bạn có đặt câu hỏi khi bạn không hiểu?
8. Bạn có thường tập trung khi làm bài tập không?
9. Bạn có ghi chú về ngữ pháp hoặc viết từ vựng mới vào sổ tay không?
10. Bạn có bao giờ đọc sách, bài báo hoặc truyện tranh bằng tiếng Anh không?

2. Work in pairs. Ask and answer the questions in exercise 1. Then check your scores in the Key.

(Làm việc theo cặp. Hỏi và trả lời câu hỏi ở bài tập 1. Sau đó kiểm tra điểm số của em trong Đáp án.)

Hướng dẫn giải:

A: Do you ever listen to English when you're out of school?

B: Yes, I do. I always learn English wherever and whenever I have time.

A: Do you know the alphabet? Can you spell your name in English?

B: Yes, I do. I know the alphabet very well and I can definitely spell my name M- A-I.

A: Do you check words in a dictionary or a wordlist?

B: Yes, I do. But before I check the words I try to guess its meaning first.

A: Do you repeat a new word if you want to learn it?

B: Yes, I do. I usually repeat it many times.

A: Do you ever practise your pronunciation?

B: Yes, I do.

A: Do you revise before an exam?

B: Yes, of course. I'm really good at English.

A: Do you ask questions when you don't understand?

B: Yes, I do.

A: Do you usually concentrate when you do your homework?

B: Yes, I always concentrate when I do my homework.

A: Do you make notes about grammar or write new vocabulary in your notebook?

B: Yes, I do. I always bring my English notebook with me to do that.

A: Do you ever read books, articles or comics in English?

B: Yes, I read English books before bedtime everyday.

Tạm dịch:

A: Bạn có bao giờ nghe tiếng Anh khi bạn không ở trường?

B: Tôi có. Tôi luôn học tiếng Anh mọi lúc mọi nơi khi có thời gian.

A: Bạn có biết bảng chữ cái không? Bạn có thể đánh vần tên của bạn bằng tiếng Anh không?

B: Tôi có. Tôi biết rất rõ bảng chữ cái và tôi chắc chắn có thể đánh vần tên của mình là M-A-I.

A: Bạn có kiểm tra các từ trong từ điển hoặc danh sách từ không?

B: Tôi có. Nhưng trước khi kiểm tra các từ, tôi cố gắng đoán nghĩa của nó trước.

A: Bạn có lặp lại một từ mới nếu bạn muốn học nó không?

B: Tôi có. Tôi thường lặp lại nó nhiều lần.

A: Bạn có bao giờ luyện phát âm không?

B: Tôi có.

A: Bạn có ôn tập trước khi thi không?

B: Có chứ. Tôi thực sự giỏi tiếng Anh mà.

A: Bạn có đặt câu hỏi khi bạn không hiểu không?

B: Tôi có.

A: Bạn có thường tập trung khi làm bài tập không?

B: Có, tôi luôn tập trung khi làm bài.

A: Bạn có ghi chú về ngữ pháp hoặc viết từ vựng mới vào sổ tay của mình không?

B: Tôi có. Tôi luôn mang theo sổ tay tiếng Anh của mình để làm điều đó.

A: Bạn có bao giờ đọc sách, bài báo hoặc truyện tranh bằng tiếng Anh không?

B: Có, tôi đọc sách tiếng Anh trước khi đi ngủ hàng ngày.

3. Read the introduction. Then listen to the interviews. What are the people learning?

Use the languages in the box.

(Đọc phần giới thiệu. Sau đó nghe các bài phỏng vấn. Những người này đang học cái gì? Sử dụng các ngôn ngữ trong khung.)

Italian	Kanji	English	Arabic	Russian
---------	-------	---------	--------	---------

Interviews: Learning languages

(Phỏng vấn: Việc học ngôn ngữ)

Interviews with Londoners who are learning languages.

(Phỏng vấn với người ở Luân Đôn đang học ngôn ngữ.)



1 Mario

2 Mark and Peter

3 Hannah

1. Mario	2. Mark and Peter	3. Hannah
----------	-------------------	-----------

Phương pháp:

- Italian: tiếng Ý
- Kanji: tiếng Kanji
- English: tiếng Anh
- Arabic: tiếng Ả rập
- Russian: tiếng Nga

Hướng dẫn giải:

1. Mario: English

(Mario: tiếng Anh)

2. Mark and Peter: Russian and Arabic

(Mark và Peter: tiếng Nga và tiếng Ả rập)

3. Hannah: Kanji

(Hannah: tiếng Kanji)

Nội dung bài nghe:

1.

Woman: So, Mario. You're a football player. Are you learning English?

Mario: Yes, I am. Because I live here and I play football here.

Woman: What are you doing now?

Mario: I'm watching TV. It's good for my English.

Woman: Is English difficult?

Mario: It's okay. My listening is not so good.

2.

Woman: Mark, Peter - police officers in London - are learning languages.

Mark: That's right.

Woman: Are you learning the same language?

Mark: No, we aren't. I'm learning Russian and Peter is learning Arabic.

Woman: Why are you studying those languages?

Peter: Because a lot of people from different countries live in London or visit London.

Woman: What are you doing now, Mark?

Mark: I am checking new vocabulary on the internet.

Woman: Is Russian difficult?

Mark: For me, yes, it's got different letters. Reading and writing are difficult.

3.

Man: Hannah, what language are you studying?

Hannah: Kanji.

Man: Really? At school?

Hannah: Yes, we've got a teacher from Japan.

Man: What are you doing now?

Hannah: I'm revising for my exam now.

Man: Is Kanji a difficult language?

Hannah: Yes it's very difficult. The pronunciation the sounds are difficult but I like it.

Man: Can you say 'goodbye' in Kanji?

Hannah: Yes, 'sayonara'.

Tạm dịch bài nghe:

1.

Nữ: *Vậy, Mario. Bạn là một cầu thủ bóng đá. Bạn có đang học tiếng Anh không?*

Mario: *Có. Bởi vì tôi sống ở đây và tôi chơi bóng ở đây.*

Nữ: *Hiện tại bạn đang làm gì?*

Mario: *Tôi đang xem TV. Nó tốt cho tiếng Anh của tôi.*

Nữ: *Tiếng Anh có khó không?*

Mario: *Không khó lắm. Kỹ năng nghe của tôi không tốt lắm.*

2.

Nữ: *Mark, Peter – nhân viên cảnh sát ở London - đang học ngôn ngữ.*

Mark: *Đúng vậy.*

Nữ: *Các bạn có đang học cùng một ngôn ngữ không?*

Mark: *Không, chúng tôi không. Tôi đang học tiếng Nga và Peter đang học tiếng Ả Rập.*

Nữ: *Tại sao các bạn lại học những ngôn ngữ đó?*

Peter: Bởi vì rất nhiều người từ các quốc gia khác nhau sống ở London hoặc đến thăm London.

Nữ: Bây giờ bạn đang làm gì, Mark?

Mark: Tôi đang kiểm tra từ vựng mới trên internet.

Nữ: Tiếng Nga có khó không?

Mark: Theo tôi, nó khó, có các chữ cái khác nhau. Kỹ năng đọc và viết rất khó.

3.

Nam: Hannah, bạn đang học ngôn ngữ nào vậy?

Hannah: Chữ Hán.

Nam: Thật không? Ở trường à?

Hannah: Vâng, chúng tôi có một giáo viên Nhật Bản.

Nam: Bây giờ bạn đang làm gì?

Hannah: Bây giờ tôi đang ôn tập cho kỳ thi của mình.

Nam: Kanji có phải là một ngôn ngữ khó không?

Hannah: Vâng, rất khó. Việc phát âm, các âm rất khó nhưng tôi thích nó.

Nam: Bạn có thể nói 'tạm biệt' bằng tiếng Kanji không?

Hannah: Vâng, 'sayonara'.

4. Listen again and answer the questions for Mario, Mark and Hannah.

(Nghe lại và trả lời các câu hỏi về Mario, Mark và Hannah.)

1. What is he/she doing now?
2. What does he / she think is difficult?

Hướng dẫn giải:

1. - Mario is watching TV.

(Anh ấy/ cô ấy đang làm gì? – Mario đang xem truyền hình.)

- Mark is checking new vocabulary on the internet.

(Mark đang kiểm tra từ mới trên mạng.)

- Hannah is revising for her exams.

(Hannah đang ôn tập cho kỳ thi.)

2. - Mario thinks listening is difficult.

(Anh ấy/ cô ấy nghĩ cái gì khó? – Mario nghĩ kỹ năng nghe thì khó.)

- Mark thinks reading and writing are difficult.

(Mark nghĩ kỹ năng đọc và viết thì khó.)

- Hannah thinks pronunciation is difficult.

(Hannah nghĩ phát âm thì khó.)

5. Read the Study Strategy. Then make a table with your answers in exercise 2. What good and bad learning strategies have you got?

(Đọc Study Strategy. Sau đó tạo bảng với câu trả lời ở bài tập 2. Bạn có những chiến lược học tốt và xấu nào?)

STUDY STRATEGY
Thinking about learning (Nghĩ về việc học)
Thinking about how you learn can help you to learn better. (Việc nghĩ về cách học như thế nào có thể giúp em học tốt hơn.)

I do these things ☺	I don't do these things ☹
I revise before an exam.	I don't listen to English when I'm out of school.

Hướng dẫn giải:

I do these things ☺ (Tôi làm những việc này)	I don't do these things ☹ (Tôi không làm những việc này)
- I revise before an exam. (Tôi ôn tập trước kỳ thi.) - I check words in a dictionary or a wordlist. (Tôi kiểm tra các từ trong từ điển hoặc danh sách từ.) - I repeat a new word if I want to learn it. (Tôi lặp lại một từ mới nếu tôi muốn học nó.) - I usually concentrate when I do my homework. (Tôi thường tập trung khi làm bài tập ở nhà.)	I don't listen to English when I'm out of school. (Tôi không nghe tiếng Anh khi ra khỏi trường.) - I don't practise my pronunciation. (Tôi không luyện phát âm.) - I don't ask questions when I don't understand. (Tôi không đặt câu hỏi khi tôi không hiểu.) - I don't make notes grammar or write new vocabulary in my notebook. (Tôi không ghi chú ngữ pháp hoặc viết từ vựng mới vào sổ tay của mình.)

6. USE IT! Work in pairs. Compare the answers in your table in exercise 5.

(Thực hành! Làm việc theo cặp. So sánh câu trả lời của em trong bảng ở bài tập 5.)

I revise before an exam, but I don't listen to English when I'm out of school.

(Tôi ôn tập trước kỳ thi nhưng tôi không nghe tiếng Anh khi không ở trường.)

Hướng dẫn giải:

- I check words in a dictionary or a wordlist but I don't make notes grammar or write new vocabulary in my notebook.

(Tôi kiểm tra các từ trong từ điển hoặc danh sách từ nhưng tôi không ghi chú ngữ pháp hoặc viết từ vựng mới vào sổ tay của mình.)

- I repeat a new word if I want to learn it but I don't practise my pronunciation.

(Tôi lặp lại một từ mới nếu tôi muốn học nó nhưng tôi không luyện phát âm.)

- I usually concentrate when I do my homework but I don't ask questions when I don't understand.

(Tôi thường tập trung khi làm bài tập ở nhà nhưng tôi không đặt câu hỏi khi tôi không hiểu.)